

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công Ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 14 tháng 05 năm 2021.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà quận 10 theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 53.856.000.000 đồng

Vốn thực góp: 53.856.395.109 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 466, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3957 4731

Fax: 028 3957 4745

Mã số thuế: 0301114000

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên:

	Chức vụ
Ông Nguyễn Tấn Mỹ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên
Ông Huỳnh Hữu Huy	Thành viên

Ban kiểm soát

	Chức vụ
Bà Đặng Thị Mộng Tuyền	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thảo	Giám đốc
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thông	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 01/08/2024 của UBND TP. Hồ Chí Minh ban hành về Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước trực thuộc UBND TP. HCM đến hết năm 2025, đơn vị thuộc danh sách doanh nghiệp tiếp tục thực hiện duy trì công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do vậy, công ty ngừng thực hiện các thủ tục cổ phần hóa theo quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND TP. Hồ Chí Minh về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ngoài ra, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn KMF được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

Số: 04/2025/BCKiTTC-KMF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công Ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10, được lập ngày 14 tháng 01 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2024 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 275/TB-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2024 của UBND TP. HCM về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10. Hiện Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

Giám đốc



Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2025-243-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Dương Nữ Huệ Phương.

Dương Nữ Huệ Phương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6834-2024-243-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

				Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.412.874.944	62.549.850.234
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.736.165.762	7.814.716.331
1. Tiền	111	V.01	10.736.165.762	5.814.716.331
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.000.000.000	37.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	24.000.000.000	37.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.195.313.486	17.082.512.906
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	13.715.278.861	15.566.497.030
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	346.439.400	415.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.133.595.225	1.101.015.876
IV. Hàng tồn kho	140		113.371.615	233.467.077
1. Hàng tồn kho	141	V.06	113.371.615	233.467.077
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		368.024.081	419.153.920
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	368.024.081	419.153.920
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.676.019.589	44.804.695.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.443.496.851	36.222.285.479
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	35.370.996.851	36.222.285.479
Nguyên giá	222		79.172.849.336	77.577.059.336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.801.852.485)	(41.354.773.857)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	72.500.000	-
Nguyên giá	228		90.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.500.000)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		8.726.004.225	8.424.164.280
Nguyên giá	231	V.10	15.553.007.750	15.251.167.805
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.827.003.525)	(6.827.003.525)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		506.518.513	158.245.496
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	506.518.513	158.245.496
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.088.894.533	107.354.545.489



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		38.382.281.829	36.957.765.265
I. Nợ ngắn hạn	310		24.176.551.008	22.431.182.957
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.500.000	266.415.851
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	268.184.724	268.981.990
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.837.991.480	3.230.267.563
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.666.866.742	1.515.690.098
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	275.931.050
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	7.808.402.666	7.615.561.449
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	11.590.605.396	9.258.334.956
II. Nợ dài hạn	330		14.205.730.821	14.526.582.308
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	-	400.494.710
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	11.723.630.252	11.785.381.272
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	2.482.100.569	2.340.706.326
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.706.612.704	70.396.780.224
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	53.856.395.109	61.895.337.471
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.856.395.109	53.856.395.109
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	8.038.942.362
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.21	8.850.217.595	8.501.442.753
1. Nguồn kinh phí	431		124.213.370	77.278.473
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		8.726.004.225	8.424.164.280
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.088.894.533	107.354.545.489

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu

 

Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	102.914.386.124	105.539.820.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.914.386.124	105.539.820.905
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	75.835.843.560	80.041.359.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.078.542.564	25.498.461.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	718.555.587	2.375.258.198
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.04	-	6.810.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	16.369.888.788	16.948.882.730
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.427.209.363	10.918.027.184
11. Thu nhập khác	31	VI.06	345.580.059	195.873.785
12. Chi phí khác	32	VI.07	2.989.205	904.462.410
13. Lợi nhuận khác	40		342.590.854	(708.588.625)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.769.800.217	10.209.438.559
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.425.100.383	2.380.409.562
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.344.699.834	7.829.028.997

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025

Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu

Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		131.974.666.251	132.179.600.005
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(58.607.161.824)	(34.171.407.682)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.952.860.104)	(40.973.228.717)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.990.438.387)	(3.766.802.247)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		403.205.699	10.727.108.334
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.558.642.094)	(62.337.180.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		7.268.769.541	1.658.088.754
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.375.000.000)	(3.304.452.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		180.360.000	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		886.262.252	1.598.811.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.691.622.252	(1.705.640.799)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		(8.038.942.362)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.038.942.362)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		8.921.449.431	(47.552.045)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.814.716.331	7.862.268.376
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		16.736.165.762	7.814.716.331

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025

Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu

Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 14 tháng 05 năm 2021.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà quận 10 theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 53.856.000.000 VND

- Vốn thực góp: 53.856.395.109 VND

Trụ sở đặt tại: Số 466, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm không có hoạt động nào ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 số lao động của công ty là 291 người

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	30.549.871	15.540.929
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	30.549.871	15.540.929
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	10.705.615.891	5.799.175.402
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN10	8.825.922.656	4.687.318.313
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN10 (B Nguyễn Kim)	906.290.780	903.331.871
Ngân hàng TMCP Á Châu	871.217.243	181.083.335
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM	92.299.870	27.441.883
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phú Mỹ Hưng 1	9.885.342	-
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh 10	4.000.000.000	-
Tổng cộng	16.736.165.762	7.814.716.331
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
- Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh 10	24.000.000.000	27.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	-	10.000.000.000
Tổng cộng	24.000.000.000	37.000.000.000
3. Phải thu khách hàng	31/12/2024	01/01/2024
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- BQL Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận 10	11.087.112.079	11.551.534.238
- Công Ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 8	552.060.000	614.642.000
- Phải thu các dịch vụ thu gom rác	500.970.196	631.890.305
- Phải thu Công ty TNHH ĐTPT Phú Khang	443.444.388	1.443.444.388
- Phải thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước	-	400.494.710
- Các khách hàng khác	1.131.692.198	924.491.389
Tổng cộng	13.715.278.861	15.566.497.030
4. Trả trước cho người bán	31/12/2024	01/01/2024
- Trả trước tiền Nguyễn Thanh Việt (các công trình)	90.000.000	-
- Hộ kinh doanh Tài Lợi 101	90.000.000	-
- Hộ kinh doanh hoa kiểng Thanh Vân	77.900.000	-
- Các khách hàng khác	88.539.400	415.000.000
Tổng cộng	346.439.400	415.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Các khoản phải thu khác	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	283.887.671	-	776.446.574	-
- Tiền thuê mặt bằng giữ hộ quận	165.000.000	-	-	-
- Các khoản tạm ứng nhân viên	489.795.520	-	91.489.000	-
- Phải khấu hao TSCĐ chung cư Lê Thị Riêng	39.751.657	-	63.791.233	-
- Phải thu thuế TNCN	143.356.050	-	149.458.570	-
- Phải thu Bảo lãnh ngân hàng	-	-	4.244.000	-
- Khác	11.804.327	-	15.586.499	-
Tổng cộng	1.133.595.225	-	1.101.015.876	-

6. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	113.371.615	-	233.467.077	-
Tổng cộng	113.371.615	-	233.467.077	-

7. Chi phí trả trước	31/12/2024	01/01/2024
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí đồng phục cho nhân viên	145.602.111	133.606.667
- Các khoản chi trả khác	222.421.970	285.547.253
Tổng cộng	368.024.081	419.153.920
b. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí sửa chữa hạng mục công trình	100.701.680	158.245.496
- Chi phí công trình nâng cấp phổ âm thực Hồ Thị Kỳ	405.816.833	-
Số dư cuối năm	506.518.513	158.245.496



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2024	30.099.128.365	45.082.965.786	2.394.965.185	77.577.059.336
- Mua trong năm	-	4.375.000.000	-	4.375.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.779.210.000)	-	(2.779.210.000)
Số dư ngày 31/12/2024	30.099.128.365	46.678.755.786	2.394.965.185	79.172.849.336
Khấu hao lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2024	15.790.000.879	23.586.939.412	1.977.833.566	41.354.773.857
- Khấu hao trong năm	1.081.530.312	3.923.029.254	221.729.062	5.226.288.628
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.779.210.000)	-	(2.779.210.000)
Số dư ngày 31/12/2024	16.871.531.191	24.730.758.666	2.199.562.628	43.801.852.485
Giá trị còn lại				
Số dư ngày 01/01/2024	14.309.127.486	21.496.026.374	417.131.619	36.222.285.479
Số dư ngày 31/12/2024	13.227.597.174	21.947.997.120	195.402.557	35.370.996.851

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2.855.415.550
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.354.713.361
Dụng cụ quản lý	2.050.513.185
Tổng cộng	11.260.642.096

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2024	-	-
- Mua trong năm	90.000.000	90.000.000
Số dư ngày 31/12/2024	90.000.000	90.000.000
Khấu hao lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2024	-	-
- Khấu hao trong năm	17.500.000	17.500.000
Số dư ngày 31/12/2024	17.500.000	17.500.000
Giá trị còn lại		
Số dư ngày 01/01/2024	-	-
Số dư ngày 31/12/2024	72.500.000	72.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Chung cư và nhà SHNN	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2024	6.055.856.936	9.195.310.869	15.251.167.805
Tăng trong năm	-	301.839.945	301.839.945
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2024	6.055.856.936	9.497.150.814	15.553.007.750
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2024	6.055.856.936	771.146.589	6.827.003.525
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2024	6.055.856.936	771.146.589	6.827.003.525
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 01/01/2024	-	8.424.164.280	8.424.164.280
Số dư ngày 31/12/2024	-	8.726.004.225	8.726.004.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. Phải trả người bán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Phải trả cho đội thi công Nguyễn Tấn Thuận	-	-	137.753.075	137.753.075
- Phải trả cho đội thi công Nguyễn Thanh Việt	-	-	128.662.776	128.662.776
- Phải trả các đối tượng khác	4.500.000	4.500.000	-	-
Tổng cộng	4.500.000	4.500.000	266.415.851	266.415.851

12. Người mua trả tiền trước	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Người mua trả tiền trước thuộc dự án công trình Cao Thắng	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000
- Khách hàng khác	58.184.724	58.184.724	58.981.990	58.981.990
Tổng cộng	268.184.724	268.184.724	268.981.990	268.981.990

13. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
Thuế GTGT	870.486.268	7.111.849.790	7.030.848.494	951.487.564
Thuế TNDN	1.337.590.330	2.385.302.366	2.990.438.387	732.454.309
Thuế TNCN	150.219.570	280.410.301	276.580.264	154.049.607
Tiền thuê đất	-	5.306.384.591	5.306.384.591	-
Thuế nhà đất	-	39.668.622	39.668.622	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phải nộp khác (tiền nhà SHNN)	871.971.395		871.971.395	-
Tổng cộng	3.230.267.563	15.127.615.670	16.519.891.753	1.837.991.480

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

14. Phải trả công nhân viên	31/12/2024	01/01/2024
- Lương công nhân viên	1.759.251.221	597.994.577
- Lương viên chức quản lý	907.615.521	917.695.521
Tổng cộng	2.666.866.742	1.515.690.098

15. Chi phí phải trả	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí phải trả thực hiện các dịch vụ công ích bên ngoài	-	275.931.050
Tổng cộng	-	275.931.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

16. Phải trả khác**a. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024	01/01/2024
- Lô D Ngô Gia Tự và Lô S Nguyễn Kim	298.423.012	298.423.012
- Thu tiền thuê nhà lô R c/c Nguyễn Kim	6.133.794	3.331.839
- Thu tiền thuê nhà c/c Trần Văn Kiều	7.371.044	4.855.292
- Phải trả tiền thuê nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	10.113.964	46.416.685
- Thu tiền bán nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	-	-
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	210.708	967.014
- Thu tiền bán nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	1.290.006.505	2.938.868.508
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	2.142.697	23.160.587
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	71.022.425	155.021.777
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	13.753.571	57.144.268
- Thu tiền bán nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	17.278.053	-
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	286.533	1.190.506
- Tiền thuê nhà Cao ốc B Nguyễn Kim	9.692.073	19.384.146
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc B Nguyễn Kim	906.488.577	903.727.466
- Thu tiền bán nhà ở TĐC B29-C30	-	79.733.121
- Phí sửa chữa - Bán nhà 397A & J8	33.821.964	33.821.964
- Phải trả tiền Mặt bằng Quận giao (Đất)	37.212.364	37.212.364
- Phải trả tiền Mặt bằng Quận giao (Nhà)	569.924.278	436.302.244
- Phí giữ lại 5% của gói thầu duy tu thoát nước	864.008.128	717.835.974
- Phải trả khác - Phí quản lý bán, thuê nhà các C/cư, cao ốc	416.726.865	188.480.512
- Tiền thuê nhà SXKD	1.657.177.777	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.305.732.072	1.332.873.762
- Phải trả khác - Tiền thuê nhà 7 căn thuộc 31 căn Quận đầu tư	4.549.650	3.639.720
- Phải trả tiền nhà trả góp C/cư 601 CMT8	-	24.753.624
- Phải trả tiền thuê nhà C/cư C9 (136 căn)	14.727.713	17.110.520
- Phải trả tiền thuê nhà C/cư Lê Thị Riêng	15.544.065	15.181.465
- Phải trả tiền phí vận chuyển rác sinh hoạt	-	20.070.245
- Phải trả nhà vệ sinh	256.054.834	256.054.834
Tổng cộng	7.808.402.666	7.615.561.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

b. Phải trả dài hạn khác		31/12/2024	01/01/2024	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)		11.723.630.252	11.785.381.272	
Tổng cộng		11.723.630.252	11.785.381.272	
(*) Là khoản tiền đặt cọc thuê nhà theo các hợp đồng và các khoản tiền đặt cọc thuê các gian hàng Cao ốc như Nguyễn Kim, Ngô Gia Tự, ...				
- Đặt cọc thuê mặt bằng cao ốc B Ngô Gia Tự với Công ty CP DT PT Sài Gòn COOP		500.000.000	500.000.000	
- Đặt cọc thuê gian hàng tại TTKD ĐM-ĐT Nhật Tảo với các tiểu thương		8.484.678.800	8.760.000.000	
- Đặt cọc thuê gian hàng tại Phố đi bộ đêm với các tiểu thương		312.993.750	247.993.750	
- Đặt cọc thuê gian hàng tại Kios Phường 6 với các tiểu thương		760.000.000	770.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng của Cty CP Viva International		620.000.000	120.000.000	
- Các khoản Đặt cọc và ký quỹ thực hiện các hợp đồng khác.		1.045.957.702	1.387.387.522	
16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		31/12/2024	01/01/2024	
- Các khoản công nợ tiền thuê nhà thuộc SHNN		-	400.494.710	
Tổng cộng		-	400.494.710	
17. Quỹ khen thưởng phúc lợi	01/01/2024	Tăng	Giảm	31/12/2024
Quỹ KTPL của nhân viên	8.580.122.963	8.528.224.810	6.421.634.298	10.686.713.475
Quỹ KTPL của Ban điều hành	678.211.993	304.590.000	78.910.072	903.891.921
- Số dư cuối năm	9.258.334.956	8.832.814.810	6.500.544.370	11.590.605.396
18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		31/12/2024	01/01/2024	
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.482.100.569	2.340.706.326	
Tổng cộng		2.482.100.569	2.340.706.326	
19. Vốn chủ sở hữu				
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2023	53.856.395.109	8.038.942.362	-	61.895.337.471
Lãi trong năm trước	-	-	7.829.028.997	7.829.028.997
Trích lập các quỹ	-	-	(7.829.028.997)	(7.829.028.997)
Số dư ngày 31/12/2023	53.856.395.109	8.038.942.362	-	61.895.337.471
Lãi trong năm	-	-	9.344.699.834	9.344.699.834
Trích lập các quỹ	-	-	(9.344.699.834)	(9.344.699.834)
Nộp chênh lệch vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ theo QĐ số 200/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND TP. Hồ Chí Minh	-	(8.038.942.362)		(8.038.942.362)
Số dư ngày 31/12/2024	53.856.395.109	-	-	53.856.395.109

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2024	01/01/2024
Vốn góp của nhà nước	53.856.395.109	53.856.395.109
- Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	53.856.395.109	53.856.395.109
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	53.856.395.109	53.856.395.109
+ Vốn góp cuối năm	53.856.395.109	53.856.395.109
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Quỹ đầu tư phát triển	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	8.038.942.362	8.038.942.362
Thu hồi khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại DN do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo QĐ số 200/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND TP. HCM	8.038.942.362	-
- Số dư cuối năm	-	8.038.942.362
20. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	77.278.473	43.812.561
Tăng trong năm	46.934.897	33.465.912
-Thu hộ	46.934.897	33.465.912
Giảm trong năm	-	-
-Chi hộ	-	-
- Số dư cuối năm	124.213.370	77.278.473
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	8.424.164.280	8.424.164.280
Tăng trong năm	301.839.945	-
Giảm trong năm	-	-
- Số dư cuối năm	8.726.004.225	8.424.164.280



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.914.386.124	105.539.820.905
- Doanh thu dịch vụ công ích (nguồn ngân sách)	49.730.950.680	47.953.283.101
Trong đó: <i>Doanh thu kế hoạch chính - Cây xanh</i>	<i>4.927.706.199</i>	<i>4.031.553.978</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Thoát nước</i>	<i>18.312.183.648</i>	<i>18.320.280.432</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Vệ sinh</i>	<i>9.435.672.159</i>	<i>9.935.690.000</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Vận chuyển</i>	<i>17.055.388.674</i>	<i>15.665.758.691</i>
- Doanh thu - Thu tiền thuê nhà SH NN	-	3.119.713.976
- Doanh thu dịch vụ công ích (ngoài ngân sách)	25.035.711.833	26.883.354.908
- Doanh thu TTĐM Nhật Tảo, Kios Phường 6, Phố đi bộ	13.372.240.050	14.130.355.451
- Doanh thu Hoạt động khác - Mặt bằng công ty quản lý, khác	168.080.812	229.090.914
- Doanh thu BQL VH chung cư	12.495.973.454	10.460.531.421
- Doanh thu Hoạt động khác - Công trình xây dựng	1.516.648.060	2.186.119.255
- Doanh thu cao ốc B Nguyễn Kim, nhà vệ sinh Z756	594.781.235	577.371.879
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.914.386.124	105.539.820.905
02. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ công ích (nguồn ngân sách)	45.646.914.513	44.875.807.315
Giá vốn - Thu tiền thuê nhà SHNN	-	3.119.713.976
Giá vốn dịch vụ công ích (ngoài ngân sách)	7.911.831.966	9.668.242.374
Giá vốn TTĐM Nhật Tảo, Kios Phường 6, Phố đi bộ	10.500.764.958	10.895.963.315
Giá vốn Hoạt động khác - Mặt bằng công ty quản lý	-	103.774.898
Giá vốn BQL VH chung cư	10.057.477.946	8.627.677.762
Giá vốn Hoạt động khác - Công trình xây dựng	1.124.072.942	2.172.807.670
Giá vốn cao ốc B Nguyễn Kim, nhà vệ sinh Z756	594.781.235	577.371.879
Tổng cộng	75.835.843.560	80.041.359.189
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	718.555.587	2.375.258.198
Tổng cộng	718.555.587	2.375.258.198



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

04. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí bằng tiền khác	-	6.810.000
Tổng cộng	-	6.810.000
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.118.298.087	6.729.541.165
Chi phí đồ dùng văn phòng	308.814.281	354.818.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.116.855.518	1.116.855.519
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.188.467.254	6.598.002.058
Chi phí bằng tiền khác	2.633.453.648	2.145.665.003
Tổng cộng	16.369.888.788	16.948.882.730
06. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	167.000.000	-
Thu hoàn nhập quỹ KHCN	178.169.994	194.369.947
Thu nhập khác	410.065	1.503.838
Tổng cộng	345.580.059	195.873.785
07. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Các khoản chậm nộp thuế	2.989.205	904.462.410
Tổng cộng	2.989.205	904.462.410
08. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.769.800.217	10.209.438.559
Cộng các khoản chi phí không được trừ	132.989.205	1.449.646.814
+ Chi phí thu gom rác dân lập chi cho người lao động	-	-
+ Các khoản chi phí không được trừ	2.989.205	904.462.410
+ Chi phí cổ phần hóa	130.000.000	545.184.404
Các khoản điều chỉnh tăng tính thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	11.902.789.422	11.659.085.373
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.380.557.884	2.331.817.075
Chi phí thuế TNDN do hoàn nhập quỹ KHCN	44.542.499	48.592.487
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.425.100.383	2.380.409.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	5.120.869.889	8.003.934.000
Chi phí nhân công;	44.371.649.386	36.544.103.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	5.243.788.628	4.854.501.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	27.772.746.023	19.812.683.331
Chi phí khác bằng tiền.	9.699.667.627	28.686.291.800
Tổng cộng	92.208.721.553	97.901.514.329

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan là các viên chức quản lý

Ông Nguyễn Tấn Mỹ

Ông Huỳnh Hữu Huy

Bà Đặng Thị Mộng Tuyền

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Trần Văn Tuấn

Ông Nguyễn Minh Thông

Bà Lâm Thị Tuyết Nhung

Mối quan hệ

Chủ tịch

Thành viên

Kiểm soát viên

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Tổng quỹ lương thực hiện viên chức quản lý trong năm:

2.436.720.000 đồng

Tổng lương viên chức quản lý đã nhận trong năm:

1.396.457.962 đồng

2. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 01/08/2024 của UBND TP. Hồ Chí Minh ban hành về Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước trực thuộc UBND TP. HCM đến hết năm 2025, đơn vị thuộc danh sách doanh nghiệp tiếp tục thực hiện duy trì công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do vậy, công ty ngừng thực hiện các thủ tục cổ phần hóa theo quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND TP. Hồ Chí Minh về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Ngoài ra, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu



Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc



Ngày 14 tháng 01 năm 2025